

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày: 29-01-2024
V/v “T/C hợp đồng dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử Sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Kiên và bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Lương H; Địa chỉ: 292 Trường S, phường Yên T, thành phố P, tỉnh Gia Lai;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ X, phường Yên T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Văn bản ủy quyền ngày 20/10/2023). Có xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng K; địa chỉ: Hẻm 83 Lê Văn H, tổ A, phường Yên T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13-9-2023, nguyên đơn, bà Nguyễn Lương H yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hồng K phải trả số tiền 117.104.000 đồng, gồm 60.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi tạm tính là 57.104.000 đồng và tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày, yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hồng K phải trả 60.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ thời điểm bà K vi phạm nghĩa vụ của từng món nợ.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Hồng K vắng mặt nên không có lời trình bày.

Biên bản xác minh ngày 25/10/2023, đại diện tổ dân phố 4, phường Yên T, thành phố P, tỉnh Gia Lai cho biết, bà Nguyễn Thị Hồng K có cư trú, làm ăn, sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại số nhà 06/83 đường Lê Văn H, tổ 4, phường Yên T, thành phố P. Nhưng từ năm 2017 bà K đã đi khỏi địa phương, không biết làm gì ở đâu.

Tòa án đã đăng tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Nguyễn Thị Hồng K trên các phương tiện thông tin đại chúng ba kỳ liên tiếp, từ ngày 24 đến ngày 26/11/2023 để bà biết đến tham gia tố tụng.

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ khởi kiện là giấy viết tay có chữ ký và tên của người vay là Nguyễn Thị Hồng K, có nội dung: ***“Hôm nay ngày 28/7/2018 (ÂL) có mượn cô H 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) K⁰ tính lãi (Ngày 5/8/2018 trả lại) và: “Hôm nay ngày 29/10/2018 (ÂL) có mượn cô H 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) 10 ngà tháng 12/2018 trả lại cho cô chủ”.***

Tại phiên tòa, kiểm sát viên không có ý kiến, đề nghị gì về phần thủ tục tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Hồng K phải trả cho bà H số tiền nợ gốc đã vay và lãi suất theo quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bà Nguyễn Thị Hồng K hiện nay không còn sinh sống tại số nhà 06/83 đường Lê Văn H, tổ dân phố 4 (trước đây là tổ A) phường Yên T, thành phố P. Tuy nhiên bà K không thông báo cho nguyên đơn biết việc thay đổi nơi cư trú theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy Tòa án nhân dân thành phố P thực hiện việc niêm yết công khai và thông báo cho bà K trên phương tiện thông tin đại chúng để đưa vụ án ra xét xử và nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 173 và các điều 179, 180, 227, 228 của của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Hồng K phải trả số tiền 60.000.000đ và lãi suất của số tiền này. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc vay tiền giữa các đương sự được xác lập bằng văn bản, có chữ ký xác nhận của bên vay, nguyên đơn cung cấp bản chính của giấy vay tiền để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình. Do đó, theo quy định tại Điều 93, 95 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Lương H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, thấy rằng, hợp đồng vay tiền giữa bà H và bà K có thỏa thuận về thì hạn trả nợ, nhưng không thỏa thuận về mức lãi vay. Do đó, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của bộ luật Dân sự, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; mức lãi suất chậm trả buộc bà K phải chịu là 10%/năm kể từ ngày tiếp theo của ngày đến hạn trả nợ, cụ thể như sau:

- Tiền lãi chậm trả của số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 28/7/2018 được tính từ ngày 05/8/2018 Âm lịch, tương ứng với ngày 14/9/2018, tính đến ngày xét xử 29/01/2024 là 5 năm 4 tháng 15 ngày. Số tiền lãi phải trả là:

$20.000.000đ \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 5 \text{ năm} 4 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 10.739.726 \text{ đồng}$
(Làm tròn số).

- Tiền lãi chậm trả của số tiền 40.000.000đ vay ngày 29/10/2018 Âm lịch thì thời hạn trả nợ ghi trong hợp đồng là ngày 10/12/2018, tương ứng với ngày 15 tháng 01 năm 2019 dương lịch, tính đến ngày xét xử 29/01/2024 là 05 năm 14 ngày. Số tiền lãi phải trả là:

$40.000.000đ \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 5 \text{ năm} 14 \text{ ngày} = 20.153.424đ$ (Làm tròn số).

Tổng cộng số tiền buộc bà K phải trả cho bà H là $60.000.000đ + (10.739.726đ + 20.153.424đ) = 90.893.150đ$.

[4]. Về án phí.

Bà Nguyễn Thị Hồng K phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; số tiền án phí mà bà H phải chịu là: $90.893.150đ \times 5\% = 4.544.658đ$;

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Lương H số tiền 2.927.600đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001462 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ý kiến, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; các điều: 93,95,173,179,180 và Điều 227, Điều 228, 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng K phải trả cho bà Nguyễn Lương H số tiền 90.893.150đ (Chín mươi triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, một trăm năm mươi đồng), trong đó có 60.000.000 đồng nợ gốc và 30.893.150đ nợ lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà Nguyễn Thị Hồng K còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng K phải chịu 4.544.658đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Lương H số tiền 2.927.600đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001462 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.P;
- THADS Tp.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nhơn